TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 138/2025/DS-ST Ngày: 12-9-2025 V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hoàn;
- Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong các ngày 28 tháng 7 và 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp *"Hợp đồng thuê tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn M. Địa chỉ trụ sở: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Tháp G, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang). Theo văn bản ủy quyền ngày 24-02-2025. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Cẩm V, sinh năm 2005; Địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Tháp G trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Sau đây gọi tắt là Công ty M) hoạt động trong lĩnh vực mua bán và cho thuê xe. Ngày 18-8-2024, Công ty M và chị Lê Thị Cẩm V có làm văn bản thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại 01 xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu Honda, màu xanh đen, biển số 63P1-553.47 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên chị Lê Thị Cẩm V, với giá tiền 17.000.000 đồng. Công ty M đã thanh toán đủ số tiền này cho chị V.

Sau khi bán xe, chị V có nhu cầu muốn thuê lại chiếc xe nêu trên để đi lại phục vụ trong công việc và cuộc sống. Công ty M đã đồng ý cho chị V thuê xe trong thời hạn 03 tháng, từ ngày 18-8-2024 đến ngày 18-11-2024, với phí thuê là 1.360.000 đồng/tháng, được thanh toán mỗi 30 ngày một lần kể từ ngày bắt đầu thuê xe. Chị V đã thanh toán đủ số tiền thuê xe từ ngày 18-8-2024 đến ngày 18-11-2024 cho Công ty M.

Sau đó, hết thời hạn thuê trong hợp đồng, chị V có nhu cầu muốn tiếp tục thuê xe và đã liên hệ với Công ty M để được tiếp tục thuê. Do bận công việc, chị V đã không thể ký hợp đồng thuê xe mới với Công ty M. Thay vào đó, chị V đã liên hệ qua điện thoại và thỏa thuận miệng với Công ty M về việc tiếp tục thuê xe. Hai bên thống nhất rằng chị V sẽ trả tiền thuê xe 1.360.000 đồng/tháng và không thỏa thuận cụ thể về thời hạn thuê, nhưng chị V có cam kết khi không có nhu cầu thuê xe nữa sẽ trả lại xe cho Công ty M. Tuy nhiên từ ngày 18-11-2024 đến nay, chị V không liên hệ với Công ty M để thanh toán tiền thuê xe và cũng không trả lại xe cho Công ty M.

Do đó, nay nguyên đơn yêu cầu chị V phải trả lại cho Công ty M chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh đen, biển số 63P1-553.47, số máy KF41E1803772, số khung MH1KF411XKK801199 đã thuê ngày 18-8-2024. Đồng thời, chị V còn phải trả số tiền thuê xe và phí phạt trễ (phí chậm thanh toán quy định tại khoản 6 Điều 3 của "THỎA THUẬN VỀ VIỆC MUA BÁN, CHO THUÊ LẠI VÀ MUA LẠI XE" 18-8-2024, tạm tính từ ngày 18-11-2024 đến ngày 24-02-2025 là hơn 03 tháng.

Bị đơn, chị Lê Thị Cẩm V: Dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Tháp G là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị V phải trả lại xe đã thuê và tiền thuê theo thỏa thuận giữa Công ty M và chị Lê Thị Cẩm V, buộc chị V phải trả lại cho Công ty M 01 xe mô tô biển số 63P1-553.47 mà công ty đã

cho chị V thuê, và buộc chị V trả tiền thuê từ tháng 12-2024 đến nay tính tròn là 09 tháng với số tiền 12.240.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty M khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê xe và buộc chị Lê Thị Cẩm V phải trả lại xe, tiền thuê xe, nên căn cứ vào Điều 472 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp *"Hợp đồng thuê tài sản"*. Bị đơn, chị Lê Thị Cẩm V cư trú tại ấp D, xã T, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Bị đơn, chị Lê Thị Cẩm V không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị V.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 18-8-2024, Công ty M và chị Lê Thị Cẩm V có làm văn bản thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại 01 xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu Honda, màu xanh đen, biển số 63P1-553.47 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên chị Lê Thị Cẩm V. Công ty M đã giao đủ tiền mua xe cho chị V và do chị V có nhu cầu sử dụng xe nên đã thuê lại từ Công ty M để sử dụng trong thời hạn 03 tháng từ 18-8-2021 đến 18-11-2024, sau khi thuê thì chị V đã trả tiền thuê đầy đủ của 03 tháng, mỗi tháng là 1.360.000 đồng. Tuy nhiên, theo nguyên đơn trình bày thì khi hết thời hạn thuê, chị V có thỏa thuận với Công ty M sẽ tiếp tục thuê xe với giá 1.360.000 đồng mỗi tháng và cho đến nay chị V vẫn đang sử dụng xe nhưng không trả tiền thuê cho Công ty M từ tháng 12-2024 đến nay tính tròn là 09 tháng với số tiền 12.240.000 đồng. Phía chị V không có ý kiến gì phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện có trả tiền thuê là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Do chị V vi phạm thỏa thuận, nên nay Công ty M yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê đòi lại tài sản đã cho thuê, tiền thuê là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Công ty M không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Chị Lê Thị Cẩm V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy

định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 472, 473, 474, 481, 482 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M.

Buộc chị Lê Thị Cẩm V có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M 01 xe mô tô biển số 63P1-553.47, số máy KF41E1803772, số khung MH1KF411XKK801199.

Buộc chị Lê Thị Cẩm V có trách nhiệm trả tiền thuê xe cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M với số tiền 12.240.000 (Mười hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M được nhận lại 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003165 ngày 03-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trước đây.

Chị Lê Thị Cẩm V phải chịu 612.000 (Sáu trăm mười hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa (Hoặc có người đại diện) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực